

Số: /BC-SGDĐT

Gia Lai, ngày tháng 10 năm 2021

Dự thảo

BÁO CÁO

Đánh giá công tác thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Chương trình hành động số 64-CTr/TU

Thực hiện Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo đánh giá công tác thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục (CSGD) trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Chương trình hành động số 64-CTr/TU, như sau:

I. KHÁI QUÁT QUY MÔ CÁC CSGD NĂM HỌC 2017-2018

1. Quy mô mạng lưới trường lớp

a) Giáo dục mầm non và phổ thông

- Tổng số trường từ bậc MN đến phổ thông: 833¹ (trong đó: MN: 266 trường; TH: 285 trường; THCS: 234 trường; THPT: 48 trường).

Tổng số lớp, số học sinh: 12.195 lớp, trong đó:

+ MN: 2.230 lớp, 63.789 học sinh, sĩ số trung bình học sinh/lớp: 28,6;

+ TH: 6.036 lớp, 160.492 học sinh, sĩ số trung bình học sinh/lớp: 26,6;

+ THCS: 2.951 lớp, 100.905 học sinh, sĩ số trung bình học sinh/lớp: 34,2;

+ THPT: 978 lớp, THPT: 42.355 học sinh, sĩ số trung bình học sinh/lớp: 43,3.

b) Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp

- Giáo dục thường xuyên (GDTX) có: 01 trung tâm GDTX tỉnh, 16 trung tâm GDNN-GDTX; 01 trung tâm Ngoại ngữ và Tin học tỉnh, 9 trung tâm ngoại ngữ, tin học ngoài công lập.

- Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học có: trường Cao đẳng Sư phạm; trường Cao đẳng nghề Gia Lai; trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật; trường Trung cấp Y tế; trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đông Gia Lai; trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nam Gia Lai; trường Trung cấp Lâm nghiệp Tây Nguyên; Phân hiệu trường Đại học Nông lâm TP HCM; Văn phòng tuyển sinh trường Đại học Đông Á.

(Do chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực dạy nghề và giáo dục nghề nghiệp đã chuyển sang cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội quản lý, do đó

¹ Số trường công lập: 797 (MN: 233 trường; TH: 284 trường; THCS: 234 trường; THPT : 46 trường);
Số trường dân lập, tư thục: 36 (MN: 33 trường; TH: 01 trường; TH, THCS&THPT: 02 trường).

trong phạm vi báo cáo này chỉ tập trung đánh giá các cơ sở giáo dục thuộc ngành giáo dục và đào tạo quản lý).

2. Về đội ngũ CBQL, GV, nhân viên

- Tổng số viên chức trong biên chế từ bậc MN đến phổ thông là: 19.783 người. Trong đó: CBQL 1.990, giáo viên 16.379, nhân viên 1.414.

+ MN: 2.834 người (CBQL 573, giáo viên 2.142, nhân viên 119);

+ TH: 8.470 người (CBQL 759, giáo viên 7.119, nhân viên 592);

+ THCS: 6.061 người (CBQL 531, giáo viên 4.997, nhân viên 533);

+ THPT: 2.418 người (CBQL 127, giáo viên 2.121, nhân viên 170).

- Tổng số viên chức trong các cơ sở giáo dục khác (trường CĐSP, trung tâm GDTX tỉnh, trung tâm Ngoại ngữ và Tin học tỉnh) là: 169 người. Trong đó: CBQL 9, giáo viên 146, nhân viên 14.

II. CÔNG TÁC THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC LẠI CÁC CSGD

1. Công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh

Ngày 05/6/2018, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 64-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nội dung về tổ chức, sắp xếp CSGD thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

“- Đối với Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai

Rà soát, cơ cấu lại tổ chức bộ máy các khoa, phòng, tinh giản biên chế giảng viên, nhân viên dôi dư, thu hẹp quy mô trường phù hợp với mức độ hoạt động và phạm vi chức năng, nhiệm vụ còn lại hiện nay, hoàn thành xây dựng đề án và sắp xếp Trường trong quý III năm 2018. Đến hết năm 2019, sau khi có Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét tiếp việc sắp xếp, nâng cao mức độ tự chủ hoặc chuyển thành cơ sở của một trường đại học.

- Đối với giáo dục MN, phổ thông

+ Sáp nhập, các trường MN quy mô nhỏ; sáp nhập các trường TH, THCS, THPT quy mô nhỏ (có thể hình thành trường có 03 cấp học) trên cùng địa bàn xã, phường, thị trấn hoặc trên cùng trục đường; đẩy mạnh việc nhập lớp, giảm điểm trường, điều chỉnh quy mô lớp học hợp lý, bảo đảm sĩ số học sinh tối đa trên lớp; thu gọn các điểm trường phù hợp điều kiện thực tế từng địa phương. Thực hiện hoàn thành trong quý III năm 2018.

Ngoài ra, để xử lý tình trạng thiếu giáo viên trong ngành giáo dục, phải đẩy mạnh xã hội hóa các lớp nhà trẻ, MN ở những địa bàn phường, thị trấn vùng thuận lợi, có khả năng xã hội hóa cao; ưu tiên bố trí đủ giáo viên trong biên chế dạy 01 buổi/ngày, buổi học còn lại thực hiện xã hội hóa; chuyển biên chế giáo viên dôi dư từ các cơ sở đào tạo, chuyên nghiệp về trường phổ thông.

+ Về việc giao quyền tự chủ đối với các trường học: Phấn đấu đến năm 2020, sẽ thực hiện thí điểm việc giao quyền tự chủ cho một số trường ở các cấp

học (MN và phổ thông) ở vùng thuận lợi, nơi có đủ điều kiện; sau khi đánh giá kết quả thi điểm, sẽ xem xét, từng bước nhân rộng việc giao quyền tự chủ cho các trường học trên địa bàn tỉnh.

- Đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

+ Sáp nhập các trường trung cấp nghề: Y tế, Văn hóa - Nghệ thuật, Kinh tế - Kỹ thuật Đông Gia Lai, Kinh tế - Kỹ thuật Nam Gia Lai vào Trường Cao đẳng Nghề thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật cộng đồng tỉnh Gia Lai, đào tạo đa ngành, đa trình độ, hoàn thành xây dựng đề án và sáp nhập trong quý III năm 2018.

+ Chuyển Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh sang đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn (mức độ II). Hoàn thành xây dựng đề án vào quý III năm 2018 và bắt đầu thực hiện từ đầu năm 2019. Nếu không tự chủ được thì giải thể.

+ Duy trì mô hình mỗi huyện, thị xã có một trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp. Nếu mô hình trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên ở huyện, thị xã nào hoạt động không hiệu quả thì giải thể và giao cho trung tâm thuộc địa phương lân cận đảm nhận thực hiện nhiệm vụ cho phù hợp”.

UBND tỉnh cũng đã ban hành nhiều văn bản để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động số 64-CTr/TU: Công văn số 1236/UBND-NC ngày 12/6/2018 về việc tham mưu triển khai nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh; Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh số 04/TB-VP ngày 04/01/2018 về triển khai quán triệt việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương; Công văn số 1548/UBND-NC ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án sáp nhập trường học theo quy định. Hằng năm, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo đều có các văn bản nhắc nhở, đôn đốc các địa phương thực hiện việc sáp nhập.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn các địa phương thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông đảm bảo hiệu quả theo yêu cầu của Chương trình hành động số 64-CTr/TU; hướng dẫn các địa phương thực hiện rà soát quy hoạch, khảo sát, đánh giá thực trạng về quy mô trường lớp, CSVC trường, lớp để thực hiện dồn dịch điểm trường, sáp nhập các trường có quy mô nhỏ gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông, một số định hướng chỉ đạo thực hiện như sau:

- Mạng lưới CSGD được sắp xếp phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của từng địa phương, địa bàn cụ thể; phù hợp với việc sắp xếp các đơn vị cấp xã, theo hướng tinh gọn, góp phần tinh giản biên chế, giảm đầu mỗi quản lý, giảm các vị trí việc làm có cùng chức năng nhưng vẫn bảo đảm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Việc tổ chức lại, dồn ghép, sáp nhập phải căn cứ vào các quy định: Tiêu chuẩn CSVC trường, lớp; quy mô trường, lớp; số học sinh/lớp; diện tích đất đai, bán kính phục vụ của các CSGD, quy mô dân số, trong đó có tính đến yếu tố phù

hợp với từng vùng, miền và đặc thù của các địa phương. Các CSGD thuộc diện dồn ghép, xóa bỏ các điểm trường cần chuẩn bị đủ CSVC ở điểm trường chính (phòng học, phòng ở bán trú, nhà làm việc, nhà công vụ, các công trình bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh, hệ thống điện nước...), đặc biệt đối với các trường có học sinh bán trú, cấp TH và cấp MN.

- Việc tổ chức lại, dồn ghép, sáp nhập các điểm trường, trường có quy mô nhỏ phải được thực hiện trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh (có giải pháp phù hợp, thuận lợi, an toàn cho việc đi lại của học sinh khi đến trường, không để xảy ra tình trạng học sinh bỏ học do phải đi lại quá xa).

- Việc sáp nhập các trường gắn liền với việc thực hiện tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, CBQLGD các trường sau sáp nhập (lưu ý việc sắp xếp, bố trí kiêm nhiệm các vị trí trong trường hoặc kiêm nhiệm liên trường phải phù hợp).

- Chỉ sáp nhập các trường có quy mô nhỏ ở cùng địa bàn cấp xã; các trường TH có quy mô dưới 10 lớp xem xét ghép với trường THCS trên cùng địa bàn xã; các xã có 2 đến 3 trường TH, xem xét sáp nhập thành một trường nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện CSVC, đội ngũ giáo viên và bán kính phục vụ của trường; không sáp nhập các CSGD MN với các CSGD phổ thông.

2. Công tác tổ chức thực hiện của các địa phương

a) Công tác chỉ đạo, điều hành

Các cấp ủy Đảng và chính quyền tại nhiều địa phương đã ban hành các Nghị quyết, kế hoạch về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Để cụ thể hóa các chủ trương này, các Thành ủy/Thị ủy/Huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện đã phê duyệt kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông với mục tiêu giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập, giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập; hình thành trường nhiều cấp học; điều chỉnh quy mô lớp học, số học sinh/lớp trong các CSGD MN, phổ thông theo điều lệ của từng cấp, bậc học.

Nội dung, tiến độ, mục tiêu sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập bám sát chủ trương Nghị quyết của Đảng, chỉ đạo của cấp trên, sát với đặc điểm tình hình thực tế địa phương; đặt mục tiêu giảm đầu mỗi đơn vị sự nghiệp, giảm biên chế sự nghiệp giai đoạn 2015-2021 theo yêu cầu của Trung ương.

Tuy nhiên vẫn còn một số địa phương chưa thực sự quyết liệt thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông nên kết quả thực hiện của một số huyện, thị xã, thành phố chưa đạt được như chỉ tiêu đề ra (có phụ lục kèm theo).

b) Tổ chức thực hiện

Các Huyện ủy/Thị ủy/Thành ủy, HĐND, UBND cấp huyện ban hành kế hoạch, chương trình, đề án sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông làm căn cứ để thực hiện, giao đơn vị đầu mối chủ trì thực hiện là Phòng GDĐT. Tuy nhiên,

một số địa phương không ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án riêng để sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông mà lồng ghép vào các kế hoạch, chương trình, đề án chung để thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW, giao Phòng Nội vụ làm đầu mối, chủ trì.

Về các tiêu chí để sắp xếp, tổ chức lại các CSGD, các địa phương có các tiêu chí khác nhau, nhìn chung các địa phương tập trung vào các nhóm tiêu chí sau: (1) Đặt mục tiêu giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập, giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập; (2) Quy định trên mỗi địa bàn hành chính cấp xã/phường/thị trấn, mỗi cấp học (MN, TH, THCS) chỉ có 01 trường; (3) Quy định trên mỗi địa bàn hành chính cấp xã/phường/thị trấn các trường phổ thông có quy mô dưới 10 lớp thì sáp nhập thành trường liên cấp TH và THCS; (4) Sáp nhập các điểm trường ở các thôn khác nhau thành một điểm trường nếu khoảng cách địa lý, giao thông thuận tiện.

Ngoài ra, một số địa phương sắp xếp, tổ chức lại các CSGD theo hướng: (1) Sáp nhập các điểm trường thành một cụm điểm trường hoặc sáp nhập điểm trường về trường chính; (2) Sáp nhập các CSGD với tiêu chí cùng cấp học hoặc liên cấp hoặc liên xã; (3) Sáp nhập bằng cách “dồn lớp”, phân bổ học sinh của điểm trường vào các lớp hiện có tại trường chính.

Tuy nhiên khi thực hiện mục tiêu này, rất nhiều địa phương không xem xét đến các yếu tố về đảm bảo chất lượng như: Tiêu chuẩn CSVC, quy mô trường/lớp, tỷ lệ học sinh/lớp, quy mô dân số, bán kính phục vụ của các CSGD và các điều kiện để thực hiện, dẫn tới việc sắp xếp, tổ chức lại chỉ mang tính “cơ học”.

III. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Kết quả đạt được sau khi sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông giai đoạn 2018 – 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

1. Quy mô, mạng lưới trường lớp

a) Giáo dục mầm non và phổ thông

- Tổng số trường từ bậc MN đến phổ thông: 762² (MN: 266 trường; TH: 209 trường; THCS: 235 trường; THPT: 51 trường).

- Tổng số lớp: 11.683, số học sinh: 392.025, trong đó:

+ MN: 2.109 lớp, học sinh: 63.530, sĩ số trung bình học sinh/lớp: 30,1;

+ TH: 5.802 lớp, học sinh: 171.907, sĩ số trung bình học sinh/lớp: 29,6;

+ THCS: 2.742 lớp, học sinh: 110.652, sĩ số trung bình học sinh/lớp: 40,4;

+ THPT: 1.030 lớp, học sinh: 45.936, sĩ số trung bình học sinh/lớp: 44,6.

Tổng số trường công lập giảm 83 trường, đạt tỷ lệ giảm 10,4% so với năm học 2017-2018, trong đó: MN giảm 9 trường; TH giảm 76 trường; THCS (gồm cả

² Số trường công lập: 714 (MN: 244 trường; TH: 208 trường; THCS: 162 trường; TH&THCS: 73 trường; THPT: 42 trường; THCS&THPT: 05 trường);

Số trường dân lập, tư thục: 48 (MN: 43 trường; TH: 01 trường; TH,THCS&THPT: 03 trường; THPT: 01 trường).

trường TH&THCS) tăng 1 trường; THPT (gồm cả trường THCS&THPT) tăng 1 trường (do sáp nhập để hình thành các trường liên cấp).

Tổng số trường ngoài công lập tăng 12 trường, đạt tỷ lệ tăng 33,3% so với năm học 2017-2018, trong đó: MN tăng 10 trường; TH, THCS&THPT tăng 01 trường; THPT tăng 01 trường.

b) Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp

- Giáo dục thường xuyên (GDTX) có: 01 trung tâm GDTX tỉnh, 12 trung tâm GDNN-GDTX; 01 trung tâm Ngoại ngữ và Tin học tỉnh, 34 trung tâm ngoại ngữ, tin học ngoài công lập.

- Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học có: trường Cao đẳng Sư phạm; trường Cao đẳng Gia Lai; Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại Tây Nguyên; Phân hiệu trường Đại học Nông lâm TP HCM; Văn phòng tuyển sinh trường Đại học Đông Á.

+ Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai: Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực rà soát, cơ cấu lại tổ chức bộ máy các khoa, phòng, tinh giản biên chế gần 1/3 giảng viên, nhân viên dôi dư, thu hẹp quy mô trường phù hợp với mức độ hoạt động và phạm vi chức năng, nhiệm vụ còn lại; xây dựng một số phương án sắp xếp, tổ chức lại Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai (chuyển thành phân hiệu của một trường đại học; thành lập trường phổ thông chất lượng cao 02 cấp học; giải thể sau khi kết thúc nhiệm vụ đào tạo, giải thể ngay...), tuy nhiên, các phương án sắp xếp đang tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc để đảm bảo hiệu quả, khả thi.

+ Lĩnh vực giáo dục mầm non, phổ thông: Toàn tỉnh đã sáp nhập, giảm 83 trường phổ thông và mầm non, giảm 10,4% đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục; giảm 335 điểm trường, tăng tỷ lệ học sinh bình quân/lớp. Đã điều chuyển hơn 850 biên chế sự nghiệp các ngành khác sang bổ sung cho ngành giáo dục; Trung ương bổ sung 1.201 chỉ tiêu biên chế cho bậc mầm non. Các huyện, thị xã, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo đã giao quyền tự chủ tài chính cho các trường (khoản kinh phí chi thường xuyên) giai đoạn 2020 - 2022, hầu hết các trường ở tỉnh đều là đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên.

+ Lĩnh vực dạy nghề và giáo dục nghề nghiệp: Đã sáp nhập các trường trung cấp: Y tế, Văn hóa - Nghệ thuật, Kinh tế - Kỹ thuật Đông Gia Lai, Kinh tế - Kỹ thuật Nam Gia Lai vào Trường Cao đẳng Nghề, đổi tên thành Trường Cao đẳng Gia Lai để thực hiện công tác đào tạo đa ngành, đa trình độ.

Chuyển Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh sang đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên (mức độ II).

Tỉnh đang duy trì mô hình mỗi huyện có một trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Thực hiện chủ trương giải thể các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện hoạt động không hiệu quả, chuyên giao chức năng, nhiệm vụ cho các tổ chức liên quan hoặc trung tâm thuộc địa phương lân cận đảm nhận. Đến nay, theo đề nghị của các địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định giải thể 04/16 trung tâm (giảm 04 trung tâm GDNN-

GDTX thuộc An Khê, Ayun Pa, Ia Pa, Kông Chro).

Việc sắp xếp, tổ chức lại các CSGD đã tạo nên một diện mạo mới, tinh gọn và hiệu quả hơn. Tình trạng trường lớp có quy mô nhỏ và chất lượng giáo dục chưa cao đã dần được khắc phục. Hàng trăm điểm trường lẻ đã được dồn ghép, sáp nhập vào các điểm trường chính; nhiều trường có quy mô nhỏ được sáp nhập thành hệ thống các trường liên cấp có quy mô lớn hơn. Nhờ đó, CSVC và TBDH được đầu tư tập trung, sử dụng hiệu quả hơn, giảm số lượng đơn vị sự nghiệp, tinh giản bộ máy, giảm số lượng CBQL và nhân viên phục vụ gián tiếp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Mạng lưới trường lớp vùng dân tộc thiểu số được củng cố, phát triển từ MN đến phổ thông, đa phần các thôn, bản đều có lớp MN, các xã đều có trường TH ở trung tâm xã; các điểm trường, lớp ghép được mở ở hầu hết các thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, tạo cơ hội cho trẻ em dân tộc thiểu số được đi học. Hầu hết các xã đã có trường THCS, các huyện đều có trường THPT. Mạng lưới trường phổ thông dân tộc nội trú và phổ thông dân tộc bán trú ngày càng mở rộng về quy mô (trường PTDT bán trú là 26, trường PTDT nội trú là 15).

Đây cũng là giai đoạn phát triển mạnh các trung tâm ngoại ngữ ngoài công lập với 25 trung tâm được thành lập mới phục vụ nhu cầu học tập của người dân, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ.

Sự phát triển của các CSGD ngoài công lập từ nguồn lực của xã hội đã góp phần thúc đẩy việc áp dụng những cách tiếp cận giáo dục tiên tiến của thế giới, nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (*trường ngoài công lập: MN 43/267 trường chiếm tỷ lệ 16,1%; phổ thông 05/495 trường chiếm tỷ lệ 1,01%*).

2. Về đội ngũ viên chức

Tổng số viên chức trong biên chế từ bậc MN đến phổ thông đầu năm học 2021-2022 là: 19.040 người³. Trong đó: CBQL 1.770, giáo viên 16.040, nhân viên 1.230.

Tổng số viên chức trong các cơ sở giáo dục khác (trường CĐSP, trung tâm GDTX tỉnh, trung tâm Ngoại ngữ và Tin học tỉnh) là: 90 người. Trong đó: CBQL 5, giáo viên 77, nhân viên 8.

Tổng số người làm việc giảm 822 người so với năm học 2017-2018 (chưa trừ 1.201 chỉ tiêu giáo viên MN được bổ sung năm 2019 và 850 biên chế sự nghiệp được điều tiết chuyển từ các ngành khác sang bổ sung cho ngành giáo dục).

Giáo viên: Tổng số chỉ tiêu biên chế được giao tăng 344 chỉ tiêu so với năm 2017-2018 (năm 2019 được Trung ương bổ sung thêm 1.201 giáo viên MN), cụ thể từng cấp học như sau:

+ MN: tăng 870 chỉ tiêu, tương đương tỷ lệ tăng 30,3%;

³ Mầm non: 3.111 người (CBQL 522, giáo viên 2.485, nhân viên 104); Tiểu học: 7.998 người (CBQL 623, giáo viên 6.924, nhân viên 451); THCS: 5.613 người (CBQL 480, giáo viên 4.613, nhân viên 520); THPT: 2.318 người (CBQL 145, giáo viên 2.018, nhân viên 155).

- + TH: giảm 49 chỉ tiêu, tương đương tỷ lệ giảm 0,58%;
- + THCS: giảm 252 chỉ tiêu, tương đương tỷ lệ giảm 4,1%;
- + THPT: giảm 225 chỉ tiêu, tương đương tỷ lệ giảm 8,6%;
- + Cơ sở giáo dục khác: giảm 120 chỉ tiêu, tương đương tỷ lệ giảm 61,2%;

Song song với việc rà soát, sắp xếp hệ thống các CSGD, việc bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên và CBQLGD đã được các địa phương thực hiện cơ bản hợp lý, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và theo đúng các quy định hiện hành.

Công tác xây dựng đội ngũ CBQLGD, giáo viên, nhân viên được quan tâm, bổ sung hàng năm để từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên. Đội ngũ giáo viên và CBQL đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, được bồi dưỡng, tập huấn trước khi triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ được quan tâm, chỉ đạo; nhiều lớp bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng đã được mở, tạo điều kiện cho đội ngũ các cấp học được nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và CBQLGD đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông mới cũng được thực hiện tích cực, đồng bộ.

Tình trạng chung của các CSGD ở tỉnh hiện nay là thiếu rất nhiều giáo viên, nhân viên trường học. Tổng số giáo viên thiếu trong năm học 2021-2022 là 3.721 giáo viên⁴ (chưa tính số 1.272 nhân viên còn thiếu, trong đó có 318 trường không có nhân viên kế toán).

3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

CSVC của các CSGD đã có sự chuyển biến tích cực, về cơ bản đáp ứng nhu cầu để thực hiện chương trình giáo dục MN, phổ thông và thường xuyên hiện hành. Các địa phương ưu tiên phân bổ ngân sách để mua sắm CSVC, TBDH để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới được ưu tiên, trong đó có các hạng mục như: Phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn, thư viện, nhà vệ sinh, công trình nước sạch, bổ sung TBDH, bảo đảm khuôn viên, cảnh quan môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp; khắc phục từng bước tình trạng thiếu nhà vệ sinh, công trình nước sạch ở các CSGD. Hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng nguồn lực được nâng cao (đầu tư tập trung, khai thác tối đa CSVC, TBDH hiện có).

Các địa phương đã tăng cường xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực của xã hội nhằm phát triển GDĐT tại địa phương mình; thực hiện quy định về ưu đãi đất đai, chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng hỗ trợ các CSGD ngoài công lập. Khuyến khích các CSGD có đủ điều kiện thực hiện chương trình chất lượng cao với mức thu học phí tương ứng để có thêm nguồn lực, góp phần nâng cao chất lượng GDĐT.

4. Về chất lượng giáo dục

Việc sắp xếp, sáp nhập trường lớp được các địa phương tích cực thực hiện, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu đưa trẻ đến trường của

⁴ Thiếu GV: Mầm non: 1.637; Tiểu học: 986; THCS: 726; THPT: 372.

nhân dân. Đưa trẻ từ điểm trường về học ở trường chính đã nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, vì ở đây, trẻ được học trong môi trường giáo dục tốt hơn, điều kiện học tập tốt hơn, nên có chất lượng tốt hơn; được tham gia nhiều hơn các hoạt động tập thể, được học tin học, ngoại ngữ và được hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương và địa phương.

Nhiều huyện có tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo cao hơn nhiều so với mức bình quân chung của tỉnh, toàn quốc; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đạt yêu cầu theo quy định phổ cập giáo dục cho trẻ MN 5 tuổi, các địa phương duy trì tốt và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục MN cho trẻ 5 tuổi. Tăng tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi.

Chất lượng phổ cập giáo dục TH, THCS được duy trì, nâng cao. Các địa phương đã có nhiều biện pháp và tạo các điều kiện để huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi vào học TH tại địa bàn, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em khuyết tật được đi học và hoàn thành chương trình TH.

Đến thời điểm hiện nay, số trường học đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh là 392/762 trường, đạt 51,44%, trong đó: MN có 129/267 trường, đạt 48,31%; TH có 116/209 trường, đạt 55,5%; THCS có 126/235 trường, đạt 53,62%; THPT 21/51 trường, đạt 41,18%.

Sau khi sắp xếp, tổ chức lại các CSGD trung học, quy mô học sinh trung học đi vào ổn định phù hợp với cơ cấu dân số theo độ tuổi huy động học sinh ra lớp; công tác phổ cập giáo dục THCS được tăng cường. Học sinh học tập trung tại một điểm trường, thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tỷ lệ học sinh đến lớp tăng về số lượng và chất lượng; học sinh được hưởng chế độ bán trú, chất lượng bữa ăn của học sinh bán trú được nâng lên, công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng.

5. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Tỉnh Gia Lai xuất phát điểm từ trình độ phát triển kinh tế thấp, GRDP/người thấp hơn bình quân chung cả nước, nguồn thu bảo đảm chi đầu tư phát triển hạn chế. Trước khi sắp xếp, việc phát triển mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục chỉ mới đáp ứng nhu cầu cơ bản, thiết yếu cho người dân (nghĩa là mạng lưới đơn vị sự nghiệp chưa rộng kênh so với nhiều địa phương khác). Do vậy, việc sắp xếp mạnh hệ thống mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết 19-NQ/TW không giúp làm mạnh chức năng phục vụ, cung cấp dịch vụ công của chính quyền địa phương.

Mục tiêu giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập được chú trọng hơn các yếu tố liên quan đến duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, tạo sức ép cho ngành giáo dục khi thực hiện. Việc quy định số lượng CSGD trên địa bàn cấp xã, dẫn đến một số CSGD có quy mô quá lớn (khó khăn trong công tác quản lý, thiếu các điều kiện thực hiện các hoạt động giáo dục, không đảm bảo các tiêu chí để công nhận trường chuẩn quốc gia (mặc dù có CSGD trước sáp nhập đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia), thậm chí ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục).

Việc dồn lớp, sáp nhập hoặc xóa các điểm trường, sáp nhập điểm trường vào trường chính làm tăng tỷ lệ học sinh/lớp, tăng số lượng học sinh bán trú tại trường chính gây khó khăn trong công tác tổ chức dạy học, quản lý học sinh. Việc ăn, ở bán trú, công tác quản lý bán trú tại trường cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Trong khi nhiều trường điều kiện CSVC chưa đáp ứng khi số học sinh bán trú tăng lên, khả năng học 2 buổi/ngày với TH giảm; tình trạng thiếu CSVC ở trường chính khi xóa bỏ các điểm trường dẫn đến tỷ lệ huy động trẻ đến trường bị ảnh hưởng, tỷ lệ học sinh/lớp ở một số nơi cao hơn so với quy định, lúng túng trong việc điều động giáo viên, giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ dôi dư, hình thành nhiều CSGD có quy mô quá lớn hoặc quá nhiều trường liên cấp.

Việc sáp nhập hình thành trường liên cấp gây một số bất cập: Công tác quản lý của các nhà trường đối với trường liên cấp khó khăn (do sự khác biệt về tâm sinh lý lứa tuổi giữa các cấp học; giờ học của các cấp học khác nhau; sinh hoạt chuyên môn của giáo viên các cấp khác nhau; cách dạy, cách học khác nhau); sau khi sáp nhập, về nguyên tắc hiệu trưởng trường liên cấp sẽ là hiệu trưởng của trường có cấp học cao hơn, sẽ khó khăn trong công tác chỉ đạo chuyên môn đối với cấp học thấp hơn.

Là tỉnh miền núi nên giao thông đi lại khó khăn, địa hình chia cắt, phân bố dân cư không tập trung, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn đối với trẻ em, do vậy sau sắp xếp vẫn phải để từ 2 trường/cấp học/xã trở lên. Mặc dù các trường này có quy mô nhỏ nhưng nếu gộp lại thành một trường sẽ có một bộ phận học sinh đi học quá xa, dễ dẫn đến bỏ học.

Còn nhiều điểm trường cách xa trường chính trên 4 km, tuy có số học sinh/lớp, số học sinh/điểm trường thấp nhưng bắt buộc phải duy trì các điểm trường này để đảm bảo cho học sinh đi học hằng ngày không quá xa, đặc biệt là đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1, lớp 2; một số điểm trường tại khu vực sát biên giới bắt buộc phải duy trì để nhân dân an tâm bám, giữ đất; do tập quán nên còn có tình trạng học sinh của làng này không học ở làng khác.

Việc ăn, ở, quản lý học sinh bán trú, đặc biệt là đối với các trường chưa đủ điều kiện thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú gặp rất nhiều khó khăn. Số lượng học sinh bán trú nhiều, nhưng các điều kiện để cho học sinh thực hành, học tập gắn với lao động sản xuất, gắn với thực tiễn và hoạt động ngoại khóa rất hạn chế; chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú chưa phù hợp, dẫn đến khó huy động học sinh có nhà ở xa trường không thể đi về trong ngày ra học ở trường chính, ăn, ở bán trú tại trường.

Nhận thức của một bộ phận người dân không muốn cho con em phải đi học xa nhà, phải ở bán trú tại trường, nhất là học sinh THCS, vì ngoài giờ học tại trường các em còn phải tham gia lao động giúp cha mẹ (làm nương rẫy, chăn trâu, bò, trông em...). Một số gia đình còn khó khăn về điều kiện kinh tế, cha mẹ đi làm ăn xa, không có điều kiện đưa đón con hàng ngày.

Việc giảm số điểm trường phát sinh nhu cầu đầu tư xây dựng thêm các phòng học, phòng phục vụ học tập, phòng làm việc, các khối phòng phục vụ sinh hoạt tại trường chính, gây áp lực cho việc huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng của các địa phương. Trong khi đó, tại một số địa phương chưa tính toán đến điều kiện đảm bảo CSVC như: Không có quỹ đất dự trữ để đầu tư xây dựng mở rộng trường chính; chưa có kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo, bổ sung CSVC, TBDH để đảm bảo chất lượng giáo dục. Cũng như chưa có giải pháp sử dụng CSVC của các điểm trường, trường đã sáp nhập.

Một số địa phương sắp xếp, tổ chức lại các CSGD theo cách “cơ học” (ghép

trường TH và THCS thành 1 trường, trường TH thành điểm trường của trường mới), về bản chất là không có gì thay đổi, hoạt động dạy và học vẫn diễn ra tại cơ sở cũ như lúc chưa sáp nhập, chỉ tính về số liệu thì giảm được 1 trường, giảm một hiệu trưởng. Như vậy, CSVC dùng chung (sân chơi, bãi tập, phòng chức năng, thiết bị tin học, ngoại ngữ...) không tận dụng được. Việc đầu tư tăng cường CSVC gặp khó khăn, không hiệu quả (về tổng thể có thể trường đã đầy đủ các phòng chức năng, tuy nhiên tại các điểm trường lại vẫn thiếu cục bộ), về mặt nguyên tắc, khi đã sáp nhập, sẽ chuyển toàn bộ trường hoặc điểm trường bị sáp nhập vào trường sáp nhập và sẽ mở rộng diện tích đất, đầu tư thêm CSVC tại điểm trường sáp nhập hoặc bố trí CSVC tại một khu đất mới để chuyển đến. Việc này ít địa phương thực hiện được do khó khăn về đất đai và nguồn lực tài chính (có địa phương có đất thì không có kinh phí để đầu tư xây dựng, có địa phương có kinh phí đầu tư xây dựng nhưng thiếu đất, có địa phương lại thiếu cả đất và kinh phí).

Số lượng phòng học, phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập vẫn thiếu so với nhu cầu sử dụng, tỷ lệ phòng học kiên cố chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học 2 buổi/ngày của các trường học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới (*thiếu thiết bị dạy học tối thiểu; thiếu các phòng học Tin học, tiếng Anh, nghệ thuật; nhà đa năng, sân chơi, bãi tập...*) do nguồn lực đầu tư cho GDĐT chưa đáp ứng nhu cầu; hầu hết các công trình trường, lớp học, nhà công vụ giáo viên đã được xây dựng từ lâu nên xuống cấp, hư hỏng.

Nhiều trường học sáp nhập 02 cấp học, giảm điểm trường dẫn đến dư thừa phòng học điểm trường nhưng thiếu phòng học ở khu tập trung; lớp học có sĩ số học sinh nhiều, ảnh hưởng đến chất lượng học tập, sức khỏe học sinh, áp lực cho giáo viên đứng lớp, cự li đi học xa, không phù hợp với quy định của ngành giáo dục.

Việc xã hội hóa một số hoạt động sự nghiệp, nhất là xã hội hóa bậc học MN, xã hội hóa buổi học thứ 2 đối với lớp học 02 buổi vẫn còn lúng túng do cơ chế chưa rõ ràng đồng bộ (mức thu, quyền thu, quyền chủ động trả lương, khấu hao cơ sở vật chất, tâm lý giáo viên, công tác tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh,..) nên việc triển khai nhân rộng không khả thi; việc phát triển trường tư thục chủ yếu tập trung ở bậc MN và một số trường phổ thông ở địa bàn thành phố Pleiku.

Việc chuyển đổi các CSGD công lập sang cơ chế tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư còn hạn chế bởi đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, phần lớn học sinh là người dân tộc thiểu số.

Số lượng học sinh đầu vào không ổn định, có sự biến động tăng, giảm hàng năm nên số lượng biên chế giáo viên cũng phải tăng, giảm theo hàng năm, vì vậy, nếu tuyển dụng hết số biên chế giáo viên được giao theo yêu cầu của Bộ Nội vụ (mà không để lại một lượng biên chế dự phòng) sẽ gặp khó khăn trong việc giải quyết dứt điểm tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên.

Số lượng học sinh hàng năm tăng, ngược lại số biên chế hàng năm không được giao đủ theo tỉ lệ giáo viên/lớp quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT và Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV mà vẫn phải cắt giảm biên chế theo lộ trình, do đó, tình trạng hiện nay tại các cơ sở giáo dục đang thiếu rất

nhiều giáo viên⁵, dễ dẫn đến tình trạng có học sinh mà không có giáo viên.

Việc thiếu biên chế giáo viên nên một số công việc kiêm nhiệm chưa được chú trọng đúng mức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT làm ảnh hưởng đến giáo dục toàn diện học sinh. Các vị trí phục vụ, hỗ trợ không được tuyển mới dẫn đến nhiều trường thiếu nhân viên làm các công tác này; hoặc một người kiêm nhiệm nhiều vị trí, thậm chí có trường không có nhân viên nào.

Chuyển số nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP sang thực hiện hợp đồng theo Nghị định 161/NĐ-CP nhưng không chuyển nguồn kinh phí theo, làm cho các đơn vị gặp rất nhiều khó khăn trong việc hợp đồng lao động các vị trí không giao biên chế như tạp vụ, bảo vệ, vệ sinh,...

6. Nguyên nhân

Các hạn chế, khó khăn, vướng mắc nêu trên về cơ bản xuất phát từ các nguyên nhân sau đây:

Một là, một số địa phương chưa quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển GDĐT; các cấp ủy, chính quyền chưa dành sự quan tâm đúng mức trong việc thực hiện sắp xếp quy mô, mạng lưới trường lớp; chưa thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Chưa hoặc chậm ban hành kế hoạch rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông (sau đây gọi tắt là Đề án) hoặc đã ban hành nhưng chưa xuất phát từ thực tiễn, không phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Hai là, công tác sắp xếp, tổ chức lại triển khai chưa khoa học, không phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, việc thực hiện còn máy móc, cơ học. Chưa xây dựng tiêu chí sắp xếp để phù hợp với điều kiện thực tế và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan (tiêu chuẩn CSVC trường, lớp; quy mô trường, lớp; sĩ số học sinh/lớp; định mức giáo viên...).

Ba là, ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo còn hạn chế; một số địa phương chưa ưu tiên nguồn lực ngân sách nhà nước, lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư CSVC cho các trường trong lộ trình thực hiện sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp. Nhiều địa phương chưa quan tâm đến việc đầu tư CSVC để đạt chuẩn tối thiểu (đặc biệt là các trường, điểm trường ở địa bàn khó khăn, chưa đạt chuẩn tối thiểu CSVC; các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú chưa đảm bảo các điều kiện thiết yếu phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh nội trú, bán trú).

Bốn là, công tác xã hội hóa giáo dục thực hiện chưa hiệu quả, chưa huy động được các nguồn lực xây dựng CSVC góp phần giải quyết những khó khăn cho các CSGD. Nhận thức về xã hội hóa GDĐT chưa thực sự thống nhất, đồng thuận trong các cấp quản lý và các tầng lớp Nhân dân. Vẫn còn tư duy bao cấp, trông chờ, ỷ lại vào ngân sách nhà nước; chưa quyết liệt triển khai công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực GDĐT. Các văn bản quy định về công tác xã hội hóa chưa đồng bộ, chưa rõ ràng.

⁵ Để duy trì việc dạy và học cần thêm tối thiểu 1.498 giáo viên (Giáo viên MN: 655; TH: 395; THCS: 290; THPT: 158) và 318 nhân viên kế toán.

IV. Đề xuất nhiệm vụ sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2025

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án tổ chức, sắp xếp lại trường CĐSP; phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

- UBND cấp huyện xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông, trung tâm GDTX-GDNN trên địa bàn đến năm 2025.

- Rà soát các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao, có đầy đủ cơ sở vật chất, có đủ đội ngũ giáo viên, tiến hành thực hiện cơ chế tự chủ về kinh phí và nhân sự để chủ động về biên chế. Từ năm học 2022-2023 sẽ thí điểm thực hiện việc giao tự chủ một phần kinh phí, nhân sự cho các trường ở vùng có điều kiện thuận lợi, phấn đấu đến năm học 2024-2025 giảm 10% tổng kinh phí sự nghiệp và biên chế viên chức, để dành nguồn lực đầu tư cho các trường ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

Để đáp ứng quy mô phát triển trường, lớp và nhu cầu học tập của học sinh, tránh tình trạng có học sinh mà không có giáo viên, đề nghị Chính phủ sớm chỉ đạo Bộ Nội vụ, Bộ GDĐT bổ sung đủ biên chế giáo viên cho tỉnh Gia Lai theo định mức quy định tại các Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT.

Chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ các nguồn lực cho địa phương để đầu tư xây dựng CSVC, TBDH bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 sau khi rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông, hướng dẫn chi tiết về công tác xã hội hóa giáo dục.

2. Đối với Tỉnh ủy, UBND tỉnh

Đề nghị Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW giai đoạn 2021-2025 (Chương trình hành động số 64-CTr/TU chỉ thực hiện đến năm 2021) để định hướng, làm căn cứ để tổ chức thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông trong giai đoạn tiếp theo.

Chỉ đạo các Sở, ban, ngành có liên quan ưu tiên bố trí kinh phí, biên chế giáo viên, nhân viên cho ngành Giáo dục và Đào tạo đáp ứng quy mô phát triển trường, lớp, bảo đảm các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

Một là, quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển GDĐT; các cấp ủy, chính quyền cần phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, vai trò của người đứng đầu trong việc thực hiện sắp xếp quy mô, mạng lưới trường lớp; thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp trên và xuất phát từ thực tiễn, điều kiện cụ thể của địa phương, ban hành đề án rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông.

Hai là, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch, đề án. Việc rà soát, sắp xếp phải đảm bảo theo tinh thần chỉ đạo của cấp trên, đảm bảo tính khoa học, linh hoạt, kế thừa, ổn định lâu dài, đồng thời phù hợp với điều kiện cụ thể của địa

phương, tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ đến trường, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đề án phải gắn với mục tiêu duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, không áp dụng rập khuôn, máy móc với mục tiêu giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập, giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập;

Việc thực hiện sắp xếp, điều chỉnh quy mô mạng lưới trường, lớp phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh; phải tính đến đặc trưng hoạt động giáo dục của từng cấp học.

Việc dồn lớp, sáp nhập hoặc xóa các điểm trường, sáp nhập điểm trường vào trường chính, sáp nhập các trường có quy mô nhỏ phải đảm bảo khoảng cách và điều kiện giao thông đi lại. Nếu các điểm trường quá xa trường chính thì có thể sáp nhập một số điểm trường với nhau để hình thành trường chính, tạo điều kiện đầu tư lâu dài về CSVC, đội ngũ.

Sau khi sắp xếp mạng lưới trường, lớp không làm giảm học sinh ra lớp ở các độ tuổi, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, không để tình trạng gia tăng học sinh bỏ học so với trước khi sắp xếp.

Xây dựng phương án bố trí lại đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên theo hướng sử dụng những người có năng lực và tinh thần trách nhiệm cao. Việc xây dựng phương án, tổ chức bố trí lại đội ngũ phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch; làm tốt công tác tư tưởng cho đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên.

Ba là, ưu tiên nguồn lực ngân sách nhà nước, lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư CSVC cho các trường trong lộ trình thực hiện sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp, đặc biệt là các trường ở địa bàn khó khăn, chưa đạt chuẩn tối thiểu CSVC, các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, đảm bảo các điều kiện thiết yếu phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh nội trú, bán trú.

Bốn là, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực xây dựng CSVC góp phần giải quyết những khó khăn cho các CSGD nhất là những trường có học sinh bán trú, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo các hoạt động giáo dục của nhà trường và các điều kiện phục vụ tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trên đây là Báo cáo kết quả sắp xếp, tổ chức lại các CSGD MN, phổ thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Chương trình hành động số 64-CTr/TU./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- UBND cấp huyện;
- Các phòng CMNV thuộc Sở;
- Lưu VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Lê Duy Định